

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỀU KIỆN
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHÓA 16/2018, NGÀY THI 11/11/2018

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/QĐ-TTCNTT-TT ngày 15 tháng 11 năm 2018
của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông)*

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHỎI	SỐ CMND/ THẺ CCCD
						LT	TH			
1	cb18k16_001	Trần Hoàng	Anh	23/05/1983	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	906659	044083000411
2	cb18k16_002	Nguyễn Thái	Bình	22/11/1991	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	906660	194488219
3	cb18k16_003	Nguyễn Hải	Châu	15/10/1986	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	906661	044086002206
4	cb18k16_004	Trần Việt	Cường	18/08/1983	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	906662	194206766
5	cb18k16_005	Trần Minh	Đông	25/10/1985	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	906663	194302720
6	cb18k16_006	Phạm Anh	Đồng	28/01/1971	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	906664	194072401
7	cb18k16_007	Nguyễn Ngọc	Đức	04/11/1985	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	906665	194302699
8	cb18k16_008	Đinh Bá	Duy	10/03/1994	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	906666	044094000789
9	cb18k16_009	Trần Thị Minh	Gái	10/03/1975	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	906667	194025613
10	cb18k16_010	Hoàng Thị Thu	Hà	03/11/1987	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906668	194342014
11	cb18k16_011	Nguyễn Thị Thanh	Hà	22/04/1979	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	906669	044179001519
12	cb18k16_012	Trần Thị	Hà	06/09/1990	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	906670	194350708
13	cb18k16_013	Trần Thị Ngọc	Hà	25/11/1980	Quảng Bình	6,7	8,5	Đạt	906671	044180000763
14	cb18k16_014	Trần Thị Thúy	Hà	09/04/1994	Quảng Bình	6,7	8,5	Đạt	906672	194527780
15	cb18k16_015	Trần Văn	Hà	25/07/1982	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	906673	194211161
16	cb18k16_016	Cao Thị Thúy	Hằng	05/03/1980	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	906674	194131837
17	cb18k16_017	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	13/11/1977	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	906675	044177000244
18	cb18k16_018	Phạm Thị Thúy	Hằng	01/05/1978	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	906676	194080953
19	cb18k16_019	Phan Thị	Hằng	29/08/1998	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	906677	044198000099
20	cb18k16_020	Trần Thị Tú	Hằng	04/11/1981	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	906678	044181000354
21	cb18k16_021	Trần Thúy	Hằng	03/08/1996	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906679	194577792
22	cb18k16_022	Tường Thị	Hằng	01/11/1978	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906680	194049969
23	cb18k16_023	Ngô Thị	Hạnh	01/10/1991	Quảng Bình	7,1	9,0	Đạt	906681	194480450
24	cb18k16_024	Dương Thị	Hiền	03/05/1991	Quảng Bình	9,2	9,5	Đạt	906682	194418912
25	cb18k16_025	Nguyễn Ngọc	Hiền	16/03/1982	Quảng Bình	6,7	10	Đạt	906683	194177959
26	cb18k16_026	Trần Thị	Hòe	13/04/1982	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	906684	194157460
27	cb18k16_027	Phan Thị	Hồng	01/02/1986	Quảng Bình	6,7	9,0	Đạt	906685	194295801
28	cb18k16_028	Trần Thị Thanh	Huế	30/03/1976	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	906686	044176001539
29	cb18k16_029	Nguyễn Mạnh	Hùng	08/05/1989	Quảng Bình	7,5	10	Đạt	906687	194344086
30	cb18k16_030	Phạm Thiết	Hùng	06/10/1971	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	906688	044071000138
31	cb18k16_031	Nguyễn Tiến	Hưng	16/06/1971	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	906689	044071000322
32	cb18k16_032	Nguyễn Thị	Hương		Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906690	194597242
33	cb18k16_033	Trần Thị Thu	Hương	16/02/1991	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	906691	194421949
34	cb18k16_034	Lưu Khánh	Huyền	19/11/1995	Quảng Bình	9,2	8,0	Đạt	906692	194581565
35	cb18k16_035	Trần Thị	Huyền	24/11/1996	Quảng Bình	5,8	8,0	Đạt	906693	194560446

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI	SỐ CMND/ THẺ CCCD
						LT	TH			
36	cb18k16_036	Trần Thị Thanh	Huyền	10/11/1980	Quảng Bình	7,9	8,5	Đạt	906694	194131615
37	cb18k16_037	Nguyễn Văn	Khánh	16/03/1970	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	906695	
38	cb18k16_038	Trần Thị	Lâm	08/09/1993	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906696	194497097
39	cb18k16_039	Nguyễn Thị	Lan	21/05/1977	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	906697	194113982
40	cb18k16_040	Trần Thị Tuyết	Lan	04/04/1982	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	906698	194128660
41	cb18k16_041	Trần Thùy	Linh	08/10/1993	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	906699	194455433
42	cb18k16_042	Phan Văn	Lợi	20/11/1989	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	906700	194351238
43	cb18k16_043	Trần Thị Ngọc	Mai	08/02/1992	Quảng Bình	7,5	9,5	Đạt	906701	194501212
44	cb18k16_044	Nguyễn Thanh	Minh	19/08/1980	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906702	194131517
45	cb18k16_045	Phạm Thị	Nga	09/04/1996	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906703	044196000340
46	cb18k16_046	Trần Hiếu	Nghĩa	02/09/1976	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906704	044076001141
47	cb18k16_047	Bùi Việt	Ngữ	11/06/1979	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906705	044079000956
48	cb18k16_048	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	20/08/1985	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906706	044185002877
49	cb18k16_049	Tạ Thị Hải	Như	03/11/1972	Nghệ An	7,5	8,0	Đạt	906707	191160039
50	cb18k16_050	Nguyễn Tân	Phong	01/10/1987	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906708	046087000193
51	cb18k16_051	Phạm Hùng	Phong	25/05/1980	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	906709	194128462
52	cb18k16_052	Nguyễn Hoàng	Son	27/07/1973	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906710	194025548
53	cb18k16_053	Phan Thị	Sương	26/02/1988	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	906711	194341721
54	cb18k16_054	Mai Văn	Sỹ	20/06/1989	Quảng Bình	7,9	8,5	Đạt	906712	044089001898
55	cb18k16_055	Trần Thanh	Tâm	22/08/1984	TT Huế	6,7	8,0	Đạt	906713	194206862
56	cb18k16_056	Nguyễn Hoài	Thanh	25/12/1988	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906714	194341825
57	cb18k16_057	Phạm Triệu	Thanh	22/03/1989	Quảng Bình	8,3	8,5	Đạt	906715	194340086
58	cb18k16_058	Nguyễn Quốc	Thịnh	04/08/1994	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	906716	194529873
59	cb18k16_059	Mai Thị	Thuần	26/07/1984	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	906717	194211124
60	cb18k16_060	Nguyễn Hải	Thường	20/04/1978	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	906718	194049337
61	cb18k16_061	Trần Thị Thu	Thủy	28/11/1981	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	906719	194188000
62	cb18k16_062	Đoàn Thị Phương	Tinh	26/03/1987	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	906720	194330054
63	cb18k16_063	Hồ Thị	Trang	08/09/1996	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	906721	194565345
64	cb18k16_064	Đỗ Ngọc Bảo	Trinh	10/12/1995	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906722	194597144
65	cb18k16_065	Trần Nguyễn Đoan	Trinh	27/08/1996	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	906723	194597148
66	cb18k16_066	Trần	Trực	02/03/1984	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	906724	044084002649
67	cb18k16_067	Phạm Thành	Trung	09/11/1994	Quảng Bình	6,7	8,5	Đạt	906725	194548555
68	cb18k16_068	Hà Thị Ngọc	Tú	22/10/1993	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	906726	194461844
69	cb18k16_069	Nguyễn Anh	Tuấn	16/06/1991	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	906727	194416868
70	cb18k16_070	Phạm Minh	Tuấn	01/01/1996	Quảng Bình	7,9	8,5	Đạt	906728	044096000165

(Ấn định danh sách này gồm 70 thí sinh)